

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Tòa Thánh-Tây Ninh



**PHÉP DƯỠNG SINH
CỦA TIÊN GIÁO SO VỚI
TU TÍNH CAO ĐÀI GIÁO**

Khai Tâm Quách Minh Chương

Tài liệu lưu hành nội bộ (2022)

Khai Tâm Quách Minh Chương



Tòa Thánh Tây Ninh

Khai Tâm Quách Minh Chương



Hình Đức Thái Thượng Đạo Tổ

Khai Tâm Quách Minh Chương



**HÌNH ĐỨC HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC
TRONG ĐẠI PHỤC**

Khai Tâm Quách Minh Chương

PHÉP DƯỠNG SINH CỦA TIÊN GIÁO SO VỚI TU TỊNH CAO ĐÀI GIÁO

1. Định nghĩa chung

❖ *Đối với Tiên Giáo*

Nền Tiên Giáo hay còn gọi Đạo Giáo là một nền tôn giáo tối cổ, được sáng lập ra thời Nhị Kỳ Phổ Độ. Đối với góc độ lịch sử tôn giáo, ai cũng biết rằng Đức Lão Tử là hiện thân của Đức Thái Thượng Đạo Tổ, giáng trần khai mở nền giáo lý siêu việt này.

Giáo lý của Đức Lão Tử rất đơn giản nhưng cũng vô cùng phức tạp. Tính giản đơn thể hiện qua cuốn kinh ngắn gọn của Ngài viết. Tính phức tạp thể hiện qua nội dung phong phú và có thể vượt tầm hiểu của hành giả, tùy vào khế cơ của mỗi người. Nói đến Tiên Giáo, người ta hình dung ngay đến cuốn Đạo Đức Kinh do Đức Ngài để lại do lời thỉnh cầu của ông Doãn Hỷ trước khi Đức Lão Tử ẩn thân về một nơi xa xăm mà người ta không biết Đức Ngài đi đâu.

Tiên Đạo vốn dạy “**tu tâm luyện tánh**”. Nên, tu tâm là một công thức siêu việt giúp con người tạo thánh thai, siêu phàm nhập thánh, đắc đạo tại thế, có thể xuất thần du ngoại càn khôn. Trong đó, Đức Lão Tử có dạy về phép dưỡng sinh dành cho con đường tu. Đây được xem như những điều căn bản, dọn mình trước khi thọ phép tu đơn, luyện tánh trong Tiên Giáo.

Đức Lão Tử là một triết gia, một hóa thân của Đức Thái Thượng, nên phép tu tiên trường sinh khả dĩ đem đến đời sống thanh thoát, tốt đẹp hiện hữu. Ngài dạy các phương pháp dưỡng sinh như sau:

Vận động dưỡng thân: tức là tu tâm và dưỡng thân vì đạo của Ngài trọng đến “tính mệnh song tu”, thường xuyên phải vận động để gân cốt lưu thông, nội tạng trở nên thuận hành.

Tĩnh tọa dưỡng thần, Đạo của Ngài chú trọng về “tu tâm luyện tánh”. Động thì dưỡng thân, tĩnh dưỡng thần. Thân cường tráng, khí huyết lưu thông, tâm hư tĩnh thì thần giao cảm được trời đất, trí huệ khai sáng. Dưỡng thần bằng cách giảm chế mọi xao động của tâm thức, áp dụng tĩnh tọa, nhiếp tâm đến vô tâm, vô ngã.

Ăn ít dưỡng thể, “thể” và “thần” trong khái niệm Tiên Đạo khác nhau. Ăn ít thì thân thể thon gọn, nhưng cần thần thanh vô nhiễm để có thể đạt đến tráng kiện thân thể. Vì vậy, dưỡng thể và dưỡng thần là hai phạm trù quan trọng, có quan hệ lẫn nhau trong phép tu dưỡng của Đức Lão Tử dạy.

Ít nói dưỡng khí, Đạo Giáo đặt khái niệm tròn đầy tức là “tam viên”. Hễ tiết dục thì “tinh viên” tinh thần đầy đủ. Hễ ít nói thì “khí viên”, vì khi nói nhiều khí hao, nên tiết giảm việc nói năng vô bổ. Người ít lo nghĩ thì đạt “thần viên”. “Tam viên” của Đạo Giáo

giúp cho con người có Tinh-Khí-Thần cường thịnh, trong trẻo.

Đọc sách dưỡng trí, tiếp thu các tri thức nhân loại, đọc sách thánh hiền, hấp thu những tinh ba đạo lý trời đất giúp cho con người có kiến thức phong phú, có cái nhìn phóng khoáng đa diện. Càng tiếp thu tri thức có ích, càng giúp cho trí lự con người càng phát huy triết lý đạo đức nhân sinh.

Thi họa dưỡng tính, thi ca hay nhạc thuần mỹ có thể giúp con người trên con đường tu tâm dưỡng tính. Nếu sáng tác hoặc ngâm nga đối ẩm giúp tâm hồn thông thoáng, không sinh tạp niệm, chuyên chú vào ngữ âm hay lời thơ văn ý vị. Vì vậy, nghệ thuật ấy có thể tác động vào tâm tính, lối hàm dưỡng ý đẹp đẽ của con người.

Làm việc dưỡng đức, lười biếng làm cho người ta mệt mỏi, ăn rồi ngủ, tinh thần ù lì. Lao động hăng say có thể rèn luyện đức tính cần cù, nỗ lực, tâm tình có thể trở nên điềm tĩnh mà khoáng lạc, từ đó đức con người có thể vì ấy mà phát triển lên.

Thành thật dưỡng phẩm, sự mộc mạc trung thật là đức tính vốn có của con người, là một mỹ đức cần phát huy trong đời sống. Phẩm đức là một trong các yếu tố hình thành tính cách con, vì vậy việc tu dưỡng phẩm hạnh rất cần yếu.

Khoan hậu dưỡng phúc, con người sống khoan dung, có phúc hậu thì ai cũng thương mến.

Sống hòa hợp, chan hòa, ân dung, độ lượng, vị tha thì đi đến đâu cũng có thể tồn tại, người người không ghét, ngược lại còn cảm mến. Người có thể khoan dung là người chịu thiệt nhưng thiệt lại là trăm phúc, có phúc thì sanh hậu. Thế thì nhờ khoan hậu mà tạo ra vạn phúc, cứ thế nuôi dưỡng cho mãi lên.

Nhân từ dưỡng thọ, lòng nhân từ chính là lòng thiện lương, biết trắc ẩn, thương yêu, động lòng vì những ngoại cảnh của tha nhân. Sống đạo thì phải hàm dưỡng lòng thương người mền vật. Khi làm lành, lánh dữ, thực hiện điều thiện lành hoặc tâm thiện niệm giúp con người sản sinh một cảm giác khoan thai, nhẹ nhàn, khiến cho bệnh tật được loại trừ, gia tăng tuổi thọ.

Tóm lược, **thân, thần, thể, khí, trí, tính, đức, phẩm, phúc, thọ** không đi ngoài hai chữ Đạo Đức của Đức Ngài mô tả trong tác phẩm và con đường tu thân của người hành giả. Chính những yếu tố **dưỡng** ấy tác động đến con đường thăng hoa, để chuẩn bị hành trang cho con người nhập vào con đường “**tu tâm luyện tánh**”. Người mà đi ngoài công thức ấy, chắc rằng không thể phù hợp với giáo chỉ của Tiên Giáo, không mong đạt kết quả theo phương pháp tu luyện của Đạo Giáo. Như vậy, **hành trang chuẩn bị của người theo Tiên Giáo** đã định rõ như thế.

❖ *Đối với Cao Đài Giáo*

Đạo Cao Đài là một nền tôn giáo mang tâm vĩ mô, ra đời sau so với nhất kỳ phổ độ và nhị kỳ phổ độ. TỨC nhiên, tôn giáo này là nền tam kỳ phổ độ. Nền đạo được hình thành do cầu cơ, chấp bút - một phương pháp thông công giữa Trời và Người để kiến tạo nền tôn giáo, có Hội Thánh, Luật Pháp kiện toàn.

Chính bởi cơ bút mới có đạo Cao Đài, nên có thể khẳng định rằng, cơ bút đã là một yếu tố quan trọng kết thông giữa hai thế giới, tạo dựng nền giáo pháp mới. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, tá danh Đức Cao Đài để cầm quyền nền đạo, không còn giao chánh pháp cho người phàm, bảo toàn bí pháp đạo cho đến thất ức niên.

Hội Thánh là hình thể trạng của đạo Cao Đài, còn là Thánh Thể của Đức Thượng Đế. Nghĩa là thay mặt Đức Ngài điều hành nền đạo, dưới bàn tay của Đức Ngài và các Đấng Thiêng Liêng cao trọng. Tính chất lập giáo, cũng như điều hành được coi như tính **“Thiên-Nhân hiệp nhứt”**. Hội Thánh tuân thủ Thiêng Liêng và những gì Hội Thánh ra lệnh được xem như Quyền Chí Tôn tại thế.

Theo triết lý cũng như giáo pháp chọn truyền để lại, con người muốn giải khổ, thoát khổ, giục tấn trên con đường thiêng liêng hằng sống và đạt ngôi phẩm, người đệ tử Cao Đài có ba con đường trở về hội hiệp với Đức Thượng Đế. Con đường thứ nhất là hành đạo theo luật pháp chọn truyền của Hội Thánh

Cửu Trùng hay gọi là Cửu Thiên Khai Hóa. Con đường thứ hai là con đường theo Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng, tức là theo Hội Thánh Phước Thiện lập công. Con đường thứ ba là **con đường tu tịnh**.

Tu tịnh là pháp môn đốn ngộ, quán định, dụng công phu luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hườn hư. Đây là một con đường tu tắt, có thể trở về hội diện với Đức Thượng Đế khi còn xác thân hữu hình. Phương pháp này cũng như của Phật Giáo hay Tiên Giáo, hoặc Thánh Giáo, khi đốn ngộ, khai khiếu huyền môn, tinh-khí-thần hiệp một thì đạt đạo. Dầu theo tôn giáo nào, cũng đều đi đến trạng thái như nhau, duy khác nhau chỗ danh từ về hình thể và trường thuyết thuyết thi hành mà thôi. Đạo vẫn như nhiên mà thành và sự hiệp hội của bản thể, chơn thể, thể tánh cũng đồng bản chất. Nên cổ nhân có câu: *“Tam Giáo đồng nguyên”*.

Tu tịnh của đạo Cao Đài có qua cơ quan là Thiên Hỷ Động hay Trí Huệ Cung, Địa Linh Động hay Trí Giác Cung và Nhơn Hòa Động hay Vạn Pháp Cung, được Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc xây dựng theo Thánh Ý thiêng liêng, khai mở một con đường mới, ấy còn gọi là cửa Phạm Môn, tức là Cửa Phật, giúp chúng sanh vén màn bí mật tạo đoan càn khôn, trở về con đường thiêng liêng hằng sống, đắc đạo tại thế. Đó là con đường thứ ba của Đại Đạo.

Cửa Phạm Môn có gốc tích từ Minh Thiện Đàn. Nguyên, **Minh Thiện Đàn** là một tổ chức tu chơn

được hình thành năm 1927 tại làng Phú Mỹ, tỉnh Tiền Giang, do Đức Lý Giáo Tông lập ra và giao cho ông Đinh Công Trứ làm Chủ Trưởng.

Nguyên vào ngày 14 tháng 10 năm Đinh Mão [08/11/1927], tại nhà Đinh Công Trứ thuộc làng Phú Mỹ, tỉnh Tiền Giang, Đức Lý Giáo Tông giảng cơ dạy phải lập Minh Thiện Đoàn. Đến ngày 15 tháng 7 năm Mậu Thìn [29/8/1928], ông Lê Văn Trung nhà ở gần ông Trứ cũng xin gia nhập và cả hai ông được Lý Giáo Tông chọn làm cặp phò loan chánh thức của Minh Thiện Đoàn.

Mặc dầu hai ông được Đức Lý Giáo Tông chọn làm cặp phò loan chánh thức, nhưng Thần của hai người quá yếu ớt, khiến cho các Đấng đang giảng đàn phải tạm nghỉ. Trong Đoàn cơ ngày 15 tháng 8 năm Tân Mùi [26-9-1931], Đức Lý Đại Tiên có lời giảng như sau:

“Mừng cả chư nhu. Đạo mong tấn hoá, chư sĩ chẳng hoà, nẻo chánh đảnh xa, đường Tà càng thêm sa đẫm.

Trung, chơn thân yếu ớt, chẳng tiếp đặng lời châu ngọc của Lão. Vậy Lão cho ra nghỉ”.

Một lần khác, Đức Chí Tôn trong Đoàn cơ ngày 13 tháng 07 năm Tân Mùi tại Đoàn Minh Thiện đã cho biết các Đấng giảng cơ mà cặp đồng tử Thần bị yếu, không tịnh có thể Quý vương xâm nhập dẫn dắt theo đường tà. Ngài giảng dạy:

“Thầy mừng các con. May cho các con đó. Thiếu chút nữa đã làm tay Quý Vương rồi đó, cũng vì phò loan chơn thần yếu ớt, chẳng tiếp trọn điển quang, nên Tà Thần thừa dịp lẫn lộn vào. Vì Thầy ngự nơi Ngọc Hư Cung, có Phổ Tịnh cùng Đại Càn Phù Sứ về tâu rằng Quý Vương mong tiếm soán Minh Thiện Đàn, nên Thầy cần kíp giáng xuống cho các con rõ, cơ chuyển khi này là Quý Vương nhập. Vậy các con từ đây ráng chăm nom về phần cơ bút đã nghe”.

Vì vậy, khi Minh Thiện Đàn quy về Phạm Môn rồi sau đó lập thành Cơ Quan Phước Thiện, cặp phò loan nơi Minh Thiện Đàn là hai ông Đinh Công Trứ và Lê Văn Trung sau này không còn nhiệm vụ phò loan nữa. Theo lịch sử Minh Thiện Đàn, lúc mới phôi thai mọi người trong nhóm rất say mê câu cơ học Đạo, ngoài Đức Lý Giáo Tông về giảng dạy giáo lý, còn có các Đấng thiêng liêng, như Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, Thái Thượng Đạo Tổ, Quan Thánh Đế Quân...

Có một lần, mọi người tập họp tại nhà ông Đinh Công Trứ hơi đông, lúc ấy nhà ông còn thiếu thốn phương tiện, không có cái bàn nào khang trang, chỉ có một cái ghế ngồi dùng để bày hoa quả, rượu trà và nhang đèn cho các Đấng giáng cơ. Trong khi mọi người đang quỳ lạy cầu khẩn, Đức Chí Tôn bèn giáng cơ cho bài thi như sau:

“Thương con chẳng lựa chỗ cao ngói,
Giáng thế ngự trên cái ghế ngồi.
Khuyên cả chúng sanh đừng phi lễ,

Đêm nay hầu mãi khó trông rồi”.

Quả thật, vào thời kỳ đó, Đức Chí Tôn mong muốn khai nền Đạo tại Tây Ninh cho nhanh chóng, nên Ngài lập nhiều Đàn cơ phổ độ khắp mọi nơi. Tại Phú Mỹ, Ngài rất thương yêu những con cái có đức tin trong Minh Thiện Đàn, nên không nệ là nơi thiếu tôn nghiêm, Ngài vẫn giáng cơ dạy đạo, để không phụ lòng những con cái chí thành.

Những Đàn cơ ở Phú Mỹ do ông Đinh Công Trứ và một số người trong Minh Thiện Đàn cầu các Đấng Thiêng liêng giáng cơ dạy Đạo, quý ông có kết tập các bài Thánh giáo cho xuất bản, gọi là “Minh Đạo”, hiện nay gọi là “Thánh Giáo Minh Thiện Đàn”, lúc ấy còn viết bằng tay, rồi cũng lập ban Kiểm duyệt gồm mười hai người để duyệt.

Năm 1929, Đức Hộ Pháp lánh nạn tại Thủ Đức được Ông Giáo Hữu Thượng Minh Thanh mời về Thánh Thất Phú Mỹ ở, ông Minh mới đem hết các bài Thánh ngôn, Thánh giáo trình cho Đức Hộ Pháp và đọc cho Đức Ngài nghe. Nghe xong Ngài bèn chọn lựa cho biết bài nào nên để lại, bài nào nên bỏ.

Cho đến ngày 3 tháng giêng năm Kỷ Ty [12/2/1929], Đức Quan Thánh Đế Quân giáng cơ lập Đồng Nghĩa Đường tại nhà ông Lê Văn Trung. Theo Lý Đại Tiên dạy, Đồng Nghĩa Đường là để cầu xin cho cả Đạo đặng tương thân tương ái mà chấn hưng Minh Thiện Đàn, nên gọi là Đồng Nghĩa.

Khai Tâm Quách Minh Chương

Sau đó Đức Lý Đại Tiên giảng cơ dạy Minh Thiện Đàn phải giao cho Đức Hộ Pháp chương quản. Đức Ngài mới mời tất cả những người gia nhập Minh Thiện Đàn đến Thánh Thất Khổ Hiền Trang để Đức Ngài hành pháp cân thân. Có tất cả 93 vị công quả trong Minh Thiện Đàn, Ngài cân thân lựa được 24 vị.

Đêm 28 rạng 29 Đức Hộ Pháp cho gom gia đình của tất cả 24 vị đã được chọn đến Thánh Thất Khổ Hiền Trang để lập Hồng thệ thọ Đào viên pháp. Đến ngày 10 tháng 6 năm Kỷ Ty [16/7/1929], Đức Hộ Pháp cùng vài người nữa đến Thánh Thất Khổ Hiền Trang lần thứ nhì. Đức Ngài hành pháp cân thân liên tiếp ba đêm cho 674 vị trong Minh Thiện Đàn, chọn được 48 vị, số còn lại chưa đạt điểm, Ngài dạy lo làm công quả thêm sau mới cân thân. Như vậy, tổng cộng hai lần cân thân tại Thánh Thất Khổ Hiền Trang Đức Ngài lựa được 72 trong Minh Thiện Đàn.

Từ cơ quan Minh Thiện Đàn ấy, dưới tay của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã chuyển biến thành cửa tu chơn, Phạm Môn, tức là cơ quan tu tịnh của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Khi còn sinh tiền, Đức Hộ Pháp đã cân thân, truyền pháp cho rất ít người. Người ta làm tướng, nền đạo không đủ bí pháp, kỳ thật, hoạt động của Đức Ngài rất lặng lẽ, âm thầm, vô vi và truyền pháp một cách yên ả.

Vả chẳng bí pháp là một điều tối yếu, bí trọng, không phải ai cũng có thể có khả năng được chơn sư khai khiếu, điểm đạo, ban cho bí pháp tu đơn. Sự tiệm

tiên và đôn ngộ tiếp nhận bí pháp là người hội đủ điều kiện một cách hoàn toàn, thì lúc ấy chơn sư mới thực thụ truyền ban cho. Điều đó cũng chẳng khác gì các nền tôn giáo cổ kim. Những người hành giả tìm đạo cũng gian nan, nhưng chưa chắc tìm đặng chơn sư truyền thụ pháp môn.

Tôn giáo mở ra để độ rồi chúng sanh, bày pháp giới, trau quyền tự do tu học. Các Đấng Phật, Tiên cũng vì lòng bác ái vô tận, muốn chúng sanh có thể tiếp thu pháp môn giải thoát. Có chăng do con người chưa đủ duyên và trình độ để đón nhận mà thôi. Đạo Cao Đài cũng thế, Đức Thượng Đế, các Đấng Thiêng Liêng, Đức Hộ Pháp cũng dụng tính chất tận độ, lòng đại bi, đại ái, mong muốn chúng ta thăng hoa trên đường trở về thiên cảnh. Ngặt thay, hoạt động truyền pháp và tu tịnh hằng diễn ra rất nhợt nhạt trong cửa đạo, cũng bởi chúng ta chưa hội đủ điều kiện.

Đại Đạo đã chuẩn bị hành trang như thế nào cho người môn đệ Cao Đài? Khi còn sanh tiền, Đức Hộ Pháp đã đưa ra các phương pháp như sau: phải thực hiện “**Đào Viên Pháp**”, phải **Tam Lập**, truyền dạy **Phương Luyện Kỹ**, dạy **12 bài tập khí công đạo dẫn**, **Thập Điều Giới Răn**. Đó là những **hành trang chuẩn thẳng đối với người môn đệ Đấng Cao Đài**. Đó là pháp môn không khác chi so với cổ giáo. Chúng ta không phải là người đắc đạo, lại chưa hề được truyền trao bất kỳ gì công phu tu tịnh của cả hai pháp môn Tiên Giáo và tu tịnh của Cao Đài, nên không thể

rành chi tiết cách tu. Nhưng chí ít, chúng ta hằng hiểu rằng con đường mà các Đấng Thiêng Liêng truyền dạy đều **đắc nhất**, hườn hư, trở về con đường thiêng liêng hằng sống, tức là đắc đạo.

✧ **Đào viên pháp**

Đào viên pháp là việc thực hiện kết nghĩa anh em như thời Xuân Thu Chiến Quốc giữa Lưu Bị, Quan Trường và Trương Phi, thề sống chết có nhau. Đối với Cao Đài, nghi tiết này được Đức Hộ Pháp cho thực hiện bằng cách lấy rượu nho tượng trưng cho máu để uống. Và như thế, cách thức ấy xem như một hồng thệ kết nghĩa anh em trong cửa tu chơn Phạm Môn. Chưa thực hiện đào viên pháp, tức chưa phải là người của cửa Phạm Môn.

Trong hình thức này, Đức Hộ Pháp phải trực chơn thần của người đó ra để đánh giá khả năng, trình độ của Hạnh, Đức, Trí, Lực. Cả ba yếu tố phải đạt từ trung bình trở lên. Sự đánh giá ấy gọi là **cân thần** của Đức Hộ Pháp đối với người Phạm Môn và đủ điều kiện mới cho thực hiện nghi tiết kết nạp đào viên pháp.

“Đến 7 giờ tối, Đức Thầy [Đức Phạm Hộ Pháp] dạy lấy một cái thau rửa thật sạch, đem để trước Thiên bàn.

Đức Thầy nói:

- Đáng lẽ mỗi người có tên hồng thệ hôm nay, tự mình cắt tay lấy máu đựng chung trong thau này, rồi

mỗi người uống một hớp, nhưng mấy em là người đạo, mỗi người đều giữ trường trai, không thể làm như vậy được, nên phải dùng rượu chát đổ thay thế, đổ rượu vào thau này cho nhiều, vì mấy em đông lắm, lại thêm cha mẹ, vợ con của mấy em.

Khi đổ rượu vào thau xong, Đức Thầy làm lễ Đức Chí Tôn và hành pháp vào thau rượu, rồi kêu vô từ người theo danh bộ đã chọn sẵn và cả cha mẹ, vợ con của người được hồng thệ vô. Người chánh danh Phạm Môn được hồng thệ, quì trước Thiên bàn, nguyện như vậy:

“Tôi là: tuổi thệ rằng:

Từ nay tôi coi anh em Phạm Môn như ruột thịt, sanh tử bất ly, thoảng có điều chi hoạn nạn thì tôi liều mình với anh em tôi. Nếu ngày sau tôi thất nguyện, quyền thiêng liêng hành pháp tận đọa tam đồ bất năng thoát tục, và Thầy tôi không nhìn đến tôi nữa.”

Lạy 3 lạy, đứng dậy, rồi thọc ngón tay giữa của bàn tay mặt vô rượu chát đổ mà nói rằng: “Đây là huyết thệ của tôi.” Rồi uống mỗi người một hớp, cha mẹ vợ con của người chánh danh cũng uống mỗi người một hớp.

Như vậy, kể người sau đó cũng làm y như vậy, tiếp theo cho đến hết” [Trích lược sử Phạm Môn của Ngài Đạo Nhơn Nguyễn Đức Hòa].

✧ Tam lập

Tam lập là lập công, lập đức, lập ngôn, tức là ba công thức đóng góp vào hành trình của pháp môn của người đệ tử Cao Đài, không chỉ riêng dành cho cửa Phạm Môn, mà còn dành cho toàn thể môn đệ Đức Cao Đài. Công thức ấy bao quát cả cuộc sống sinh hoạt đạo, xứng đáng làm một phần tử của Đại Đạo.

Lập công nghĩa là làm công quả, để tạo ra phước đức. Đối với các bậc Nguyên Nhân, nhờ có Tam Lập, trong đó có công quả mới mong hườn nguyên, trở về cựu vị. Hóa Nhân nhờ đó mà có thể giải quả nghiệp oan khiên tiền kiếp, tiếp tục thăng tiến đến cảnh nhàn hạ hơn, lần hồi đến địa vị thiêng liêng.

*“Lập công đem đổi nên Thiên vị,
Đền sách bền theo nhọc chớ màng”
[Đức Quyền Giáo Tông]*

Lập đức là làm những việc lành, việc thiện nhằm đem lại phước đức cho mình và cho người khác. Những việc như thí tài, thí công, thí pháp tức là giúp của, giúp công, in kinh, và làm chùa, hay ủng hộ những người tu hành chân chính, là những việc làm tạo nên công đức. Đây là một yếu tố quan trọng trong việc tu hành vào thời Tam Kỳ Phổ Độ. Người thế gian thường thiếu công quả. Công quả tạo ra đức, là một phần trong hành trình của mình. Chính bởi công quả

quan trọng, đức cũng quan trọng mà Đức Thượng Đế giảng dạy rằng người ở thế muôn giàu có phải làm ra của cải, còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc đạo buộc phải có công quả.

*“Thong dong cõi thọ nường hôn,
Chờ con **lập đức** giúp hườn ngôi xưa”*

[Kinh Thế Đạo]

Lập ngôn là giữ lời nói, cẩn thận, biết dụng lời nói có ích cho mình, cho người một cách chân thật, chánh đáng, đạo đức để phổ độ. Lập ngôn nằm trong Tam Lập và ba yếu tố sẽ hỗ trợ cho nhau để chúng ta có đời sống đôn chính, mực thước, ý nghĩa với nền tân pháp Đại Đạo.

✧ **Phương Luyện Kỹ**

“Phương Luyện Kỹ

Đặng Vào Con Đường Thứ Ba Đại Đạo

- *Phải thân thích cùng cả nhơn vật tức là tìm nguyên do của vạn linh cùng chí linh.*
- *Phải ân hậu và khoan hồng.*
- *Phải thanh nhàn đừng vị kỷ.*
- *Phải bình tĩnh nghĩa là đừng chịu ảnh hưởng của họa phước buồn vui (tập tánh không không đừng nhiễm. Vui cũng vui buồn cũng buồn nhưng đừng để nọc buồn vui thấm vào chơn tánh).*
- *Phải độ lượng khoan dung tha thứ.*
- *Phải vui vẻ, điều hòa tự chủ và quyết đoán.*
- *Giữ linh tâm làm căn bản.*

- *Hiếu hạnh với Chí Tôn và Phật Mẫu*

**Phương Pháp Trị Tâm
Vì Tâm Là Hình Ảnh Của Thiên Lương**

- *Đức tin và khôn ngoan là kho chí bửu, ngoài ra là của bỏ là đồ vô giá.*

- *Ai cố oán kẻ thù của mình thì khó giữ thanh tâm công chánh cho đặng.*

- *Ai chẳng oán hận mới thắng đặng kẻ thù nghịch cùng mình.*

- *Sự cừu hận là khối thảm khổ đê nhứt của hơn sanh, nên người hiền thì không biết đến hay là từ bỏ cừu hận oán ghét.*

- *Thắng đặng khí nộ mình thì không chọc ai giận dữ.*

- *Lấy thiện mà trừ ác.*

- *Lấy nhơn nghĩa trừ bạo tàn.*

- *Lấy lòng quảng đại đặng mở tâm lý hẹp hòi.*

- *Lấy chánh trừ tà.*

- *Áy là đường thương huệ kiếm.*

Luyện Thân, Luyện Trí

- *Âm-thực tinh-khiết.*

- *Tư-tưởng tinh-khiết.*

- *Tín-ngưỡng mạnh-mẽ nơi Chí-Tôn và Phật-Mẫu.*

- *Thương yêu vô tận.*

- *Ấy là chìa khóa mở cửa Bát-Quái-Đài tại thế này.*

Tòa-Thánh, ngày 14 tháng Giêng năm Đinh-Hợi (1947).

Hộ-Pháp (Ký tên và đóng dấu)”

Cốt lõi của phương luyện kỹ không khác chi là kim chỉ nam cho người tu hành, nguyên tắc bất dịch, dọn mình cho trong sạch, thanh cao, chí thánh để vào cửa tu chơn hay tu tịnh. Cả tinh ba của phương pháp ấy là một đời sống đạo đức, làm cho đức tin và khối thiên lương chúng ta giữ vững, củng cố thánh tâm, trở nên đức độ cao rộng, thánh hóa tánh đức của mỗi người lên đến vô tận.

Đức Hộ Pháp đã dùng câu “ấy là chìa khóa mở cửa Bát Quái Đài tại thế này” đã cho thấy yếu lý cần thiết, một yếu tố bất dịch để chính mình nhập vào trường đặc đạo của Đức Thượng Đế. Chúng ta có thể nhận định rằng phương luyện kỹ nếu được thực hiện triệt để, con người có thể giải thoát, đặc đạo tại thế bởi Đức Chí Tôn Thượng Đế đã mở cơ ân xá và lời thánh truyền của Đức Hộ Pháp đã hiển hiện chơn lý. Tức, người đệ tử Cao Đài thi thố, thiệ hiện pháp điều luyện kỹ ấy thì có thể thành một bậc chơn tu, thông công đặc đạo.

Còn pháp điều tu tịnh lại là một hoạt động khác với điều trên. Tu tịnh trong Phạm Môn chính là sự vận động nội thể, có công thức “nấu đơn” rõ ràng, tùy vào sở năng của mỗi người, mà chơn sư truyền giảng.

Khai Tâm Quách Minh Chương

Sự đôn ngộ, hiệp hội các thể cũng phụ tùy vào lộ trình, tức là trình độ tấn hóa chơn thân của chúng ta. Bí pháp ấy không dễ chi chúng ta có. Dầu có biết, nếu công quả chưa rồi, tu thân chưa xong, có thực hiện phép tu tịnh ấy bao nhiêu, phạm vẫn hoàn phạm. Do đó, chúng ta thấy tầm quan trọng của Phương Luyện Kỳ của Đại Đạo mà Đức Hộ Pháp đã ban hành.

Chúng ta không ai chối bỏ Đức Hộ Pháp là vị giáo chủ đạo Cao Đài về mặt hữu hình. Quyền chưởng quản Hiệp Thiên Đài và sau được chọn lựa nắm quyền chưởng quản Cửu Trùng Đài, Đức Ngài đã mặc nhiên nắm Quyền Chí Tôn tại thế. Thêm nữa, Pháp Chánh Truyền đã định rõ dây sắc lệnh của Đức Hộ Pháp một cách rành mạch rằng Đức Ngài chưởng quản Tam Giáo. Xin cùng đọc lại Pháp Chánh Truyền về điều khoản quan trọng:

*“**Bộ Đại Phục**, người phải mặc giáp, đầu đội Kim Khôi toàn bằng Vàng, trên Kim Khôi có thể Tam Sơn, giống như cái chia ba nhánh, chủ nghĩa là Chưởng Quản Tam Thiên bên Tây Phương Cực Lạc. Chơn đi hia, trên chót mũi hia có chữ “**Pháp**”, ngoài giáp thì chòang măng bào, thế nào bên tả phải giáp, bên hữu thì măng. Tay hữu (bên Đạo, nghĩa là bên Thượng Phẩm) cầm Gián Ma Xử (thế, lấy Đồi chế Đạo) còn tay tả (bên Thế, nghĩa là bên Thượng Sanh) nắm sâu chuỗi “Tì Bi” (thế, lấy Đạo chế Đồi) thành ra nửa Đồi nửa Đạo. Ngang lưng cột dây lệnh sắc có ba màu Đạo (thế Chưởng Quản Tam Giáo nơi mình,*

nắm trọn Thể Pháp và Bí Pháp đặng qui nhứt), cái mới đây linh sắc phải ngay chính giữa bụng” [Pháp Chánh Truyền].

Như thế ấy, Đức Ngài đã nắm trọn trong tay thể pháp và bí pháp Đại Đạo. Đức Ngài đã khai thể pháp, mở bí pháp, truyền đạo, rao giảng chơn ngôn trong suốt cuộc đời cho đến khi ngày triều Thiên năm 1959. Chức Sắc kế nhiệm trong vai trò điều hành Hội Thánh, mặc nhiên và chúng ta cũng biết rõ, khả năng bí pháp cũng đương nhiên giảm sút ít nhiều. Trong chiều hướng đó, càng ngày nền đạo càng đi vào chiều hướng tiêu cực cho Giáo Hội. Khối phạm tâm và sự suy diễn sẽ là một phạm trù cần bàn tới. Nét quy phạm càng thể hiện rõ trong suốt chiều dài lịch sử đạo. Điều đó, cũng chẳng một ai có thể phủ nhận.

“Càng qua nhiều thế hệ thừa kế, nét qui phạm càng hiện ra trong hàng ngũ những tu sĩ cao cấp của giáo hội. Cho đến một thời kỳ lịch sử nào hành động của khối lớn tu sĩ đã biến chất rất nhiều và những mục đích cao thượng ban đầu bị lệch lạc gần hết thì nền Đạo bị thất chơn truyền. Trên dòng lịch sử các Đạo giáo thịnh thoảng cũng có những hình thức phục hưng chơn pháp do các Chơn Linh cao trọng giảng trần, chỉnh lại những sai lệch đang diễn ra nhưng rồi sau đó một thời gian hiện tượng qui phạm với những nguyên nhân không thể tránh được, là khối phạm tâm của tín đồ lớn hơn Thánh chất đã tác động và làm nên lịch sử Đạo theo chiều hướng ấy.

Kinh nghiệm lịch sử loài người đã đúc kết lại như thế, liệu rằng sau khi các vị Thời Quân Hiệp Thiên Đài đều qui vị hết, sinh hoạt tu chơn truyền pháp có giữ được nguyên tắc tuyển chọn kỹ lưỡng như trước không?” [Hiền Tài Nguyễn Long Thành].

Chúng ra đã biết Đức Chí Tôn khẳng định trong Pháp Chánh Truyền, hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài vẫn còn và ai ai cũng đặt một khối đức tin tưởng như thế. Nhưng với tính chất “hữu danh vô thực” của Hội Thánh”, chúng ta phải làm gì trước con thuyền đạo để có thể tự trang bị cho mình bước chân để chờ những Chơn Sư truyền pháp? Tức nhiên, những pháp môn của Đức Hộ Pháp đã truyền thụ lại, được Hội Thánh cho phép truyền dạy khắp nơi. Đó như khuôn vàng, thước ngọc để trước mặt nhơn sanh, một chìa khóa vạn linh, khai cửa Thiên Môn về với Đức Chí Tôn.

Còn đi sâu vào sự chứng nghiệm của tâm pháp, phải do khối thiên của các Đấng Thiêng Liêng tác động, hỗ trợ vào đời sống minh triết, một khi ta thi hành đúng như lời Đức Hộ Pháp truyền giảng. Nói một cách khác, Đức Hộ Pháp sẽ không tồn tại bằng xác hữu hình vĩnh cửu, nhưng quyền năng tinh thần, sứ mạng vẫn vĩnh cửu, luôn bên cạnh người chơn tu. Dầu thiếu tính chất cân thân bằng hình hài, Đức Ngài vẫn sống mãi và có thể “cân thân vô vi”, truyền trao cho ta một bữa pháp vô giá để giục tấn, khai mở tâm huệ.

Cái khó nhất đối với người đệ tử Cao Đài không phải là tự hỏi Đức Hộ Pháp ở đâu, ai sẽ cân thân, truyền pháp. Đâu đó, chơn sư hữu hình và vô hình vẫn âm thầm theo ta để trợ duyên. Cái khó nhất của chúng ta vẫn nằm ở chỗ chúng ta làm sao sống với khối thánh tâm trọn vẹn, lia phàm tâm, thực hiện cả những triết lý và con đường mà giáo pháp Cao Đài đã chỉ dẫn. Một khi đã chí thánh, không khi nào trạng thái Tinh-Khí-Thần của ta đi ngược lại sự hiệp nhất. Nghĩa là chúng ta phải trau dồi đức hạnh, sống với chơn thể sáng suốt, có tâm đức phù hợp, hành động phụng sự, sống đạo đúng với giáo pháp, tự nhiên việc đến sẽ tức khắc đến trong sự không cầu muốn.

Đức Chí Tôn quả quyết trong Thánh Giáo, Đức Ngài đến để hườn nguyên cho con cái Đức Ngài đắc đạo, thì một khi công hạnh xứng đáng, quyền năng tinh thần chúng ta có thể đi đến một mục đích rất ráo. Đức Hộ Pháp không còn hữu hình, Ngài vẫn có thể ám trợ ta. Dầu Đức Ngài còn sống, chúng ta chưa xứng đáng bước vào hàng ngũ tu chơn, có cầu xin, lay lục thì Đức Ngài vẫn không truyền pháp. Chúng ta vẫn có đầy đủ ý nhiệm về đức tin, bí pháp sẽ xoay chuyển qua rất nhiều hình thức ứng biến khác nhau tùy vào khế cơ của mỗi người đệ tử Cao Đài, tức là quyền Thiêng Liêng vẫn hằng bên ta mỗi khắc.

Như vậy, Phương Luyện Kỳ đã không còn là công thức riêng của một cơ quan nào trong Đại Đạo Tam Kỳ, mà đó trở thành phương thức dẫn nhập

người môn đệ đi tìm Bạch Ngọc Kinh. Lộ trình chúng ta đi, không thể bỏ qua yếu lý, tức là luyện kỹ theo lời Đức Hộ Pháp.

✧ Mười hai bài tập khí công đạo dẫn

Độc giả có thể tìm hiểu chi tiết qua nguyên bản của Đức Hộ Pháp truyền dạy. Cốt yếu, Đức Ngài dạy chúng ta luyện tập hơi thở, tay, chân, xương sống, thần kinh cổ, ngực, gân cổ, đôi mắt, kích động thần khí, bộ máy tiêu hóa...

Các hoạt động không ngoài mục đích làm cho thân thể cường tráng, khỏe mạnh, khí mạnh, thần an, thanh tĩnh. Lúc tập, các động tác phải chậm rãi, điều hòa và không có một điều chi phiền não, tức là không có tạp niệm. Những bài tập ấy được xem như thời công thu thiền định. Đặc biệt, Đức Hộ Pháp vẫn chỉ dạy chi chi động tác điều giữ con số 12 của Đức Thượng Đế. Ấy là một điều đặc biệt hơn hết. Thực tiễn, có nhiều Cao Đạo Hữu thực hành suốt thời gian dài, có rất nhiều hiệu quả trong việc trị liệu các bệnh lý. Ngoài ra, những sự chứng nghiệm của “tâm” thuộc phạm trù không thể tiện biện giải nơi đây. Chúng ta hãy chiêm nghiệm lẽ nên hư, coi đó là một phương châm hữu hiệu, nên Đức Hộ Pháp mới truyền dạy.

✧ Thập Điều Giới Răn

Độc giả vui lòng tìm bản gốc để đọc chi tiết hơn về 10 điều giới răn khi người môn đệ được chính thức vào cửa Phạm Môn. Mười điều giới răn ấy cũng

không lạ lắm chi so với luật Đại Đạo. Đức Hộ Pháp đã cốt ý xây dựng cửa Phạm Môn theo Thánh ý, tức nhiên có nội luật. Luật ấy chưa hề phản khắc trên đường tu tiên trong toàn thể chánh thể nền Đại Đạo. Ngược lại, người giữ mười điều ấy, lại càng chứng tỏ đã được Đức Hộ Pháp “điểm đạo” nhập vào trường cửa Phạm Môn và càng nâng mình lên địa vị cao trọng hơn.

2. Tìm hiểu về Đức Thái Thượng và Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc

❖ Đức Lão Tử

Ngày 15 tháng 02, Đức Ngài phân tánh giáng phàm lập nên Tiên Giáo bên đất nước Trung Hoa. Đức Ngài có bút hiệu là Lão Tử. Ai cũng cho rằng Đức Lão Tử là một “hiện tượng” lạ trong nền triết học của toàn thể nhân loại vì tư tưởng triết học của Ngài có tầm ảnh hưởng toàn bộ cõi Á Đông, đã làm hao tổn tinh thần và bút mực của hàng trăm hậu học với những tác phẩm khảo cứu về thân thể cũng như nhân sinh quan và vũ trụ quan của Ngài. Đời hậu Hán đã tôn Đức Lão Tử là Thái Thượng Lão Quân, một trong ba “vị thần” tối cao của Trung Hoa. “Đại Thanh Cung” là nơi thờ dựng tại tỉnh Hà Nam, nơi Đức Ngài sinh ra, với pho tượng 4 mét.

Có thể nhận định rằng tất cả các khảo cứu của các triết gia về thân thể của Đức Lão Tử chỉ vẫn nằm trong hai chữ “giả thuyết” hay “có thể” mà thôi.

Người ta càng bàn, càng luận, càng tìm ra manh mối thì càng rối, càng có những điểm mâu thuẫn giữa các biện chứng hay nói một cách khác, các “dấu vết” đi vào ngõ cụt, không có “lối thoát” về cuộc đời của Đức Lão Tử.

Theo sử ký của ông Tư Mã Thiên, Đức Lão Tử là người thuộc làng Khúc Nhân, hương Lê, huyện Hồ, nước Sở, họ Lý, tên Nhĩ, tự là Đam. Sau người đời gọi là Lão Đam hay Lão Tử. Ngài làm quan sử, giữ kho chứa sách của nhà Chu và ở đấy cũng lâu. Đến khi nhà Chu suy, ông bèn bỏ đi và để lại tác phẩm Đạo Đức Kinh.

Đức Ngài viết cuốn sách gồm hai thiên “thiên thượng” và “thiên hạ”, cốt nói về Đạo và Đức khút chiết khoảng 5 ngàn chữ. Khi xong sách, Ngài bèn bỏ đi và thiên hạ không biết Ngài đi đâu và mất ra sao. Có sử gia cho rằng Ngài sống 160 tuổi, có người nói 200 tuổi, có người cho là 90 tuổi, có người nói Ông Đam là Lão Tử, có người phủ nhận, có người cho rằng Đức Lão Tử có con tên là Tôn. Và mọi thứ hoàn toàn chỉ là giả thuyết mơ hồ vì không biết ngày sinh, ngày mất thì hoàn toàn không biết tuổi thọ của Đức Ngài.

Tác phẩm Đạo Đức Kinh của Đức Lão Tử tạm chia làm “Đạo”, “Tính cách và quy luật của Đạo”, “Đạo ở đời”, “Đạo trị nước” và “Dịch đạo đức kinh”. Và như thế, phần “Đạo ở đời”, “Đạo trị nước” và

phần “thiên hạ” trong “dịch đạo đức kinh” nêu nên rõ **nhân sinh quan** của học thuyết Tiên Giáo.

Đối với Đức Lão Tử, Người có đức cao thì thuận tự nhiên, không có ý cầu đức, cho nên mới có đức. Người có đức thấp thì có ý cầu đức nên trở nên không có đức. Người có đức cao thì vô vi, nghĩa là không làm không có ý làm, tức là **không có ý làm**. Ngược lại, người có đức thấp cũng làm vô vi nhưng có ý làm tức là **có ý làm**.

Người có đức nhân cao thì tự lòng thành mà làm điều nhân, chứ **không có ý làm**, tức là không nhắm mục đích chi cả. Người có nghĩa cao thì làm điều nghĩa với sự **có ý làm**, chính vì sự so sánh giữa cái nên làm và không nên làm.

Đức Ngài cho rằng trời được đạo mà trong, đất được đạo mà yên, thần được đạo mà linh, vạn vật được đạo mà sinh, vua chúa được đạo mà làm chuẩn tắc cho thiên hạ. Nếu trời chẳng trong thì sẽ vỡ, đất không yên thì sẽ lở, thần không linh thì sẽ tan mất, vạn vật không sinh thì sẽ diệt, vua chúa chẳng cao quý thì sẽ mất ngôi. Sang lấy hèn làm gốc, cao lấy thấp làm nền, không muốn được quý như ngọc thì bị khinh như sỏi. Vạn vạn trong thiên hạ từ “**có**” mà sinh ra, “**có**” từ “**không**” mà thành.

Bậc thượng sĩ nghe đạo thì gắng thi hành, kẻ tầm thường nghe đạo thì nửa tin nửa ngờ, người tối tăm nghe đạo thì cười rộ. Ngài còn biện chứng thêm

rằng đạo sáng thì đường như tối tăm vì ít có người thấy hiểu. Đạo tiến thì đường như lùi, đạo bằng phẳng dễ dàng thì đường như khúc mắc, đức cao thì đường vẻ thấp trũng, cao khiết thì đường như nhục nhã.

Tổng thể, trong phần “thiên hạ” được Đức Ngài nêu lên vô vàn phạm trù khúc chiết nhưng đầy huyền nghĩa thâm thúy, như đạo của thánh nhân, lời nói của con người, sự mềm yếu của nước, cứng mạnh ở dưới-mềm yếu được ở trên, nói về sự bình trị an dân, về chính sách điều hành của quốc gia cho thịnh vượng.

Đức Ngài cho biết ai cũng cho cái đẹp là đẹp do đó mà sinh ra cái xấu. Ai cũng cho cái thiện là thiện, do đó mà phát sinh ra quan niệm cái ác vì có cái “có” và cái “không” bên trong ấy, dễ và khó tạo lẫn cho nhau, ngắn dài làm rõ cho nhau, cao thấp dựa vào nhau, trước sau theo nhau.

Vì thời Xuân Thu chiến quốc, các triết gia đưa ra nhiều học thuyết, như Đức Khổng Mặc cho rằng nguyên nhân sâu xa dẫn đến hiện tượng loài người là vì các quốc vương hay nhà lãnh đạo đòi không theo đạo tiên của các “tiên vương” có đạo đức. Nhưng Đức Lão Tử lại phủ nhận điều đó, Đức Ngài cho rằng lý do chính vì nhân dân mỗi ngày càng dần xa đạo, không sống thuận tự nhiên, mất đi tính thuần chất phác, mang nhiều dục vọng, càng thông minh lại càng tham muốn, ái dục, xảo trá, tranh giành, chém giết lẫn nhau. Trong phần này, Đức Ngài chủ yếu đi vào hai vấn đề chính yếu là “**xử kỹ**” và “**tiếp vật**”.

Đề thi hành vấn đề “xử kỷ”, Đức Ngài dạy dạy phải giảm thiểu “dục”. “*Xử dân vô tri, vô dục*” tức là khiến cho dân không biết, không muốn. Hay là “*phù diệc tương vô dục*” nghĩa là khiến cho vạn vật không còn tư dục, ham muốn nữa. “Vô” của Đức Lão Tử dùng không có nghĩa là “không” đối nghĩa với chữ “hữu”, mà chữ **vô** được được hiểu theo **vô vi**, nghĩa là không phải không thực hiện mà làm theo tính chất thuận với lẽ tự nhiên, nghĩa là sống thì cần có nhu cầu nhưng theo lẽ “tiết dục”, giảm tối thiểu những điều mong vọng, ham muốn không cần thiết.

Đức Ngài dạy bỏ những gì thái quá dầu tốt đến mấy, phát triển tới cực điểm vì theo luật tuần hoàn, tới đỉnh điểm thì sẽ trở nên suy, tắc hay lão, hoại. Vậy nên, gần tới cực điểm thì dừng vì đối với Ngài, vật bớt đi mà có thể tăng lên thêm, ngược lại nếu thêm lên mà lại hóa ra trở nên bớt lại.

Vấn đề “**tiếp vật**”, Đức Ngài dạy phải tiết dục, xử kỷ đối với bản thân. Với người thì phải khiêm nhu:

“*Phản giả đạo chi động. Nhược giả đạo chi dụng*”.

Nghĩa là luật vận hành của đạo trở lại lúc đầu. Diệu dụng của đạo là nhược, tức là khiêm nhu. Chữ “nhu” không phải là nhu nhược, không có ý chí mà là việc chấp nhận mọi hiện thực, thuận lý tự nhiên trong đời sống. Nên Đức Ngài dạy thêm “*nhu nhược thắng*”

ương cường. Nhược thắng cường, nhu thắng cương”. Trong lời dạy về “xử kỷ”, Đức Ngài giảng giải rõ:

“Trong thiên hạ cái cực mềm chế ngự được cái cực cứng, cái “không có” lại len vô được cái không có kẽ hở”.

Như nước rất mềm, uyển chuyển vận lưu khắp nơi vì luôn ở những nơi thấp nhưng có thể làm mòn được đá cứng hay không khí có thể vào những vật cứng như đất, đá, cây gỗ... mà ta không hề thấy kẽ hở. Đức Ngài cũng dạy nói lên con người cũng hiểu điều đó nhưng chẳng qua không ai chịu thi hành tính khiêm nhu ấy mà thôi. Những kẻ hung bạo bất nhất là cường nhưng không phải là “cường nhu” như Ngài dạy. Cường nhu ấy là thuận lẽ đạo, giữ nghị lực lớn và cũng nhờ cái “nhu nhược”, biết “tính yếu mềm” mà chịu khuất mới bảo toàn.

“Tiếp vật” là khiêm nhu, là vô tranh. Vì không kẻ công nên mới có công trạng, chẳng hề biểu hiện nên mới sáng tỏ, không ngạo mạn nên mới trở nên trường cửu. Nếu mình chẳng tranh thì chẳng ai tranh với mình đặng. Lối giảng dạy của Đức Ngài như đạo trời đất vô vi chẳng làm mà làm tất cả, đạo trời chẳng tranh mà luôn luôn trên đầu và chi phối vạn vật. Thế nên, sống “tiếp vật” theo đạo của Ngài là sống khiêm cung, **“nhu nhược”**, vì khiêm cung nên không muốn ở trên người khác và chẳng dám ở trên người, tự đặt mình vào sau người. Chính vì **thấp nhưng lại cao**, chính vì yếu lại cường, chính vì ở sau người nên luôn

trước người, chẳng ham vinh mà được quang minh sáng rõ.

Đức Ngài dạy nếu triều đình ô ứ, ruộng đồng hoang vu mà thân bận áo gấm thêu, đeo kiếm sắt, ăn uống chán mứa thì đó cướp, chứ không phải đạo. Ngài lập luận rằng xã hội loạn lạc, dân khổ vì sống không ra đạo, không thuận tự nhiên mới sanh ra tham lam, trộm cướp, xảo trá, gian manh, tranh giành, chém giết lẫn nhau. Nên bậc trị gia là những vị thiên tử tức phải là thánh nhân để giúp dân trở về thuần lương.

Nhà vua muốn trị dân, trước vua phải là vị minh quân để làm gương cho muôn quan, từ từ mới điều hành quốc gia, xã hội, cải hóa tư tưởng và hướng muôn dân đến hai chữ “đạo đức”. Hầu như sách lược trị quốc của Đức Lão Tử cũng đôi phần khác so với Đức Khổng Tử, Đức Mặc Tử. Hai Ngài này chủ trương hữu vi, đưa ra quy luật “ngũ thường” là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín để lập trật tự quốc gia, xã hội. Còn Đức Lão Tử dùng tính chất “vô vi” để trị quốc đối với các vị Đế Vương- phải là người nương nơi thuần phát, làm gương trăm họ thì muôn dân tự nhiên qui phục. Đức Ngài nói:

“Đạo vĩnh viễn không có tên, chất phác, tuy ẩn vi mà thiên hạ không ai coi thường nó được. Các bậc vương hầu biết giữ nó thì vạn vật sẽ tự động qui phục”.

Theo lối minh giải vấn đề này, chúng ta thấy rằng lối trị quốc của Đức Khổng-Mặc là hình thức “hữu vi”, tác động và đi sâu vào dân. Đức Lão Tử cho rằng trị quốc như nấu cá, nếu lật tới, xoay quanh, can thiệp nhiều quá, dân sẽ trở nên trá ngụy, chống đối. Nên chính sách hữu vi sẽ làm hồng đại sự triều chính, quốc gia và xã hội.

Ngài dạy phải thực hiện sách lược “vô vi”, ít tác động vào việc của dân, để nhân dân tự ý thức sống, phát triển và cải biến theo bản năng “thuần phác” có sẵn trong mỗi con người. Ngài dạy:

“Ta không làm gì mà dân tự cải hóa, ta ưa thanh tĩnh mà dân tự nhiên thuần chính, ta không thi hành giáo lệnh mà dân tự phú túc, ta vô dục mà dân tự ra chất phác”.

Rõ ràng, “vô vi” của Ngài không phải là không làm gì mà là làm theo luật tạo hóa, thuận tự nhiên. Công dụng của vô vi rộng lớn nên có thể chuyển hóa hoàn toàn xã hội theo hướng tích cực. Kỳ thực, lộ trình thực hiện phương pháp trị quốc “vô vi” là áp dụng tuần tự, giảm thiểu dần những cái tệ hại trước, tinh giảm bộ máy cai trị cho bớt rườm rà đến mức tối thiểu có thể. Đức Ngài còn nhắc đến cách bình trị bằng cách “không nói” mà dạy dỗ dân. Ở bình diện này, vạn vật có quy luật sinh trưởng hoàn toàn, nên sự can thiệp nhiều sẽ mất đi lẽ tự nhiên.

Góc độ trị gia bằng phương pháp “vô vi”, ít có vị đế vương nào theo chủ trương của Đức Lão Tử vì Đức Ngài cho rằng luật pháp và nhà tù không cần thiết đến độ như vậy và chỉ cần thu hẹp đến mức nhỏ nhất cần thiết mà thôi. Đức Ngài đề cao chủ sách trị của bậc thánh vương làm cho lòng dân hư tĩnh, bụng ấm no, tâm chí “yếu”, nghĩa là không tham muốn, không tranh giành, thân thể khỏe mạnh. Ngược lại, những kẻ xảo trí không dám hành động. Vì thế sách lược “vô vi” không hao binh, tổn tướng, vừa an dân, vừa trị gia, bình thiên hạ trong mọi tầng lớp xã hội.

Đức Ngài bài trừ hết những thứ ngũ sắc, ngũ âm, ngũ vị, những châu báu, vàng bạc đá quý để lòng dân khỏi loạn lạc. Ngài bài trừ học vấn vì càng học, dân trí càng trở nên xảo trí, đục vọng khó trị.

“Thời xưa, người khéo dùng đạo trị nước thì không làm cho dân khôn lanh cơ xảo, mà làm cho dân đôn hậu, chất phác, dân sở dĩ khó trị là vì nhiều mưu trí”.

Trong khi tư tưởng và đường lối của “Không-Mặc” đều coi việc dạy dân là nhiệm vụ quan trọng nhất của việc trị quốc, thì Đức Lão Tử đi ngược lại, Ngài cho rằng:

“Hành bất ngôn chi giáo”

Nghĩa là Thánh Nhân xử sự theo thái độ vô vi, dùng pháp không nói mà dạy dỗ vì mỗi người có sự đôn hậu và “phác” sẵn trong thân, chỉ cần hướng dân

đến những trị giá đó, tức khắc dân sẽ trở chất phác. Ngược lại, càng giáo dục cho dân thì dân càng xảo mị, gian trá càng nhiều hơn. Đức Ngài cho rằng “*Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu*”, vua không cần phải giết dân vì có Trời làm chủ phạt những kẻ trái đạo trời.

Đối với kinh tế, Ngài chủ trương tự do buôn bán, không đưa ra nhiều quy định luật thương buôn và không đánh thuế nhiều vì càng làm nhiều, dân càng sợ và trở thành rào cản trong việc làm kinh tế phú túc.

Về chính trị, Ngài bảo rằng nếu quân đội càng đông, gai góc càng nhiều. Dẫu có mạnh một thời rồi cũng sẽ suy vì Ngài chiếu theo “lý phản phục” của đạo trời. Người giữ đạo nhà thì chẳng dùng tới khí cụ, binh đao vì ai cũng ghét chúng. Hòa bình chỉ đến khi trong thế giới, các quốc gia biết tương nhượng lẫn nhau, khiêm như bất tranh, cá nhân với cá nhân cũng vậy thì thiên hạ tức khắc thịnh vượng hòa bình. Đức Ngài cũng giảng thêm rằng luật phản phục tự nhiên có tính chất tương phản, hết thịnh tới suy, qua suy trở về thịnh, hết bình lại chiến, cực dương thì sinh âm, nên không thể có hòa bình vĩnh viễn được.

Nếu hai bên giao chiến, bên nào giữ được từ ái là bên ấy thắng. Viên tướng giỏi là người không tỏ ra nguy hiểm bằng vũ dũng. Cái họa lớn nhất đối với tướng là sự khinh địch. Cái chiến thắng cao nhất là lấy đức phục người vì đó hợp với đạo. Đức Ngài cho rằng vật báu của con người là **lòng từ ái, tính khiêm ước, lòng khiêm cung**. Nếu thắng mà kiêu căng là tự đào

hồ chôn mình vì “nhu vốn thắng cương”, cái thắng ấy trở nên cường liệt hơn

Tư cách của đế vương phải phục vụ cho nhân dân, giản dị, dạy dân biết lẽ phải, biết đạo lý. Vua chúa biết theo đạo là biết cách trị ân, trị quốc, có thể gởi gắm thiên hạ cho người đó. Minh chứng điều này, Đức Ngài nói:

“Sở dĩ trời đất trường cửu được là vì không sống riêng cho mình, nên mới trường cửu được”.

Vua phải đối xử công bằng, ai cũng như ai, không thiên vị, giữ luật công bình. Lại nữa, vua luôn đứng sau dân mà thân luôn đi trước, đặt mình ngoài mà thân mới còn, nghĩa là không vì lo ích lợi riêng mà thuận lo cho dân thì xã tắc, sơn hà bền vững, nhân dân lại ấm no. Đấng thiên tử là bậc thánh nhân nên phải vì đạo, vì đạo thì chẳng nên có thành kiến, lấy lòng của thiên hạ làm lòng mình, đối với người tốt cũng thế, với người chưa tốt cũng vậy. Rốt lại, vua là thánh nhân nên rất có công, nhưng chẳng khoe công, cậy công, lấy đức khiêm hạ mà hành.

“Vua tuy ở trên mà dân không thấy nặng cho mình, ở trước mà dân không thấy hại cho mình, mới vui vẻ đẩy vua tới trước mà không thấy chán”.

Có thể nói rằng đạo trị gia của Đức Lão Tử độc nhất vô nhị mà chưa có một nhà chính trị gia nào như thế và áp dụng như thế. Những vị vua chúa hay nhà chính trị nào thực hiện theo phương châm của Ngài

coi như là hạng nhất vì áp dụng sách lược đạo trị “vô vi”.

Đức Lão Tử còn đề cập một quốc gia lý tưởng là đất nước thuần chất trở về tự nhiên, dân chủ, tự túc, vận chuyển theo thời thượng cổ một cách “tự nhiên”, vua cũng như ai, không can dự vào đời sống của người dân. Điều này đã khác với tư tưởng của Đức Khổng-Mạnh, hoàn toàn trái hẳn với xu hướng của thời đại ngày nay. Đức Ngài cho rằng xã hội cổ đại chẳng phải dã man như người ta tưởng, ngược lại là một xã hội cực văn minh vì biết cái tai hại của “văn minh” hiện thời mà đến cái văn minh của thiện phác thuần lương, tức là dựa vào nguyên lý “phản phác vô vi”.

Với những gì được Đức Lão Tử Trình bày trong tác phẩm và bao nhiêu học giả, các nhà tôn giáo bình giảng, đã toát lên chân dung của một Đấng siêu phàm. Dầu những luận giảng sâu sắc của các học giả từ cổ chí kim, có thể có rất nhiều tư tưởng hiểu khác nhau; nhưng tựu chung, đều đã mô phỏng một “nhân vật” phi phàm và nội dung của Đạo phẩm “chạm trở” lên triết lý rất đối phi phàm mà hầu như chưa có vị vua chúa nào áp dụng toàn diện trong việc lấy chữ Đạo và Đức để áp dụng trong chính sách điều hành quốc gia, cũng như tu dưỡng tâm tánh.

❖ **Đức Thái Thượng**

Theo giáo lý Cao Đài, Đức Lão Tử là một chiếc thân hay hóa thân giáng trần của Đức Thái Thượng Lão Quân. Theo sử sách ghi lại, Đức Thái Thượng được xem như vị Thần tối cao được nhiều người sùng ngưỡng. Nguyên, Đức Ngài có tôn hiệu là Đức Nguyên Thủy Thiên Tôn, chính là vị Thần tối cao có trước Trời Đất và vũ trụ, trường sinh, bất tử, thống ngự vạn vật và tạo ra cả khắp trong càn khôn.

Trong Đạo Cao Đài, Đức Ngài có tôn hiệu là Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn. Khi nói đến Đức Ngài, người ta liên tưởng ngay đến ba vị Tam Thanh: Thái Thanh, Thượng Thanh, Ngọc Thanh mà ngày nay đạo Cao Đài đã sử dụng ba sắc ấy để phong sắc cho Chức Sắc Cửu Trùng nam phái.

Theo Đạo Giáo Trung Hoa, Đức Ngọc Thanh là Nguyên Thủy Thiên Tôn ngự tại cõi Thánh Cảnh. Đức Thượng Thanh là Linh Bảo Thiên Tôn, ngự tại Chân Cảnh. Đức Thái Thanh là Đức Thái Thượng Lão Quân hay Đạo Đức Thiên Tôn, ngự tại Thanh Cảnh.

Trong các bức tranh vẽ hay tượng thờ Tam Thanh, cả ba được tạo hình thành ba ông già: Nguyên Thủy Thiên Tôn ngồi giữa, cầm viên ngọc, Đạo Đức Thiên Tôn ngồi bên trái, cầm cây quạt, Linh Bảo Thiên Tôn ngồi bên phải, cầm cây như ý.

Trong Đàn cơ ngày 1 tháng 4 năm Tân Mùi [18/5/1931] tại Minh Thiện Đàn, Phú Mỹ, Đức Thái

Thái Thượng Lão Quân có giảng cho một bài thi như sau:

*“Tam Thanh chưởng quản cả Ba Ngôi,
Độ thế kỳ ba cựu vị hồi.
Hồi hồi trần gian tua nhớ cảnh,
Căn xưa trở lại chớ buông trôi”.*

Đạo Cao Đài Theo đạo Cao Đài, Tam Thanh nương theo tam cảnh như Tiên Giáo. Chức Tam Thanh là ba ngôi phẩm, gồm Thái Thanh, Thượng Thanh, Ngọc Thanh. Thái Thanh màu vàng, thuộc Phật, Thượng Thanh màu xanh, thuộc Tiên, Ngọc Thanh màu đỏ thuộc Thánh.

Tam Thanh thường dùng để đối với Tam Giáo và tam sắc. Nên lá cờ của đạo Cao Đài gọi là cờ Tam Thanh, gồm ba màu đỏ, xanh, vàng.

Chức sắc Cửu Trùng Đài của Hội Thánh Cao Đài được chia là ba phái: Phái Ngọc, mặc Đạo phục màu đỏ, thuộc Nho giáo, ngươn tinh; phái Thượng, mặc Đạo phục màu xanh, thuộc Tiên giáo, ngươn khí; phái Thái, mặc Đạo phục màu vàng, thuộc Phật giáo, ngươn thần.

Tóm lại, giáo lý Cao Đài đã duy minh tả sơ nét về chân dung của Đức Ngài qua sự xuất hiện của Đức Lão Tử, một ứng biến của Đức Thái Thượng trong Nhị Kỳ Phổ Độ. Qua hình trạng đó, chúng ta biết một mặt ý nghĩa quyền năng, trách nhiệm của Đức Ngài mà thôi.

❖ ***Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc***

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc là một vị giáo chủ hữu hình của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đức Ngài nắm trọn thể pháp và bí pháp trong tay như những gì chúng ta đã minh tường.

Đức Ngài đã phục mạng linh xuống thế, hạ mình một cách cao cả, dâng cả đời sống làm con tế vật cho Đấng Thượng Đế, cầu cho chúng sanh giải thoát. Nên, quyền năng của Đức Ngài không thể tả luận. Bằng chứng, Thuyết Đạo quyển 03, Đức Ngài nói:

“Bản Đạo duy muốn làm bạn với con cái Ngài, nên phẩm vị Phật sống của Đức Chí Tôn để cho Bản Đạo, mà Bản Đạo chưa có ngôi. Ấy vậy mê tín dị đoan trong cửa Đạo Cao Đài không có và không cần có, quả quyết hẳn vậy, nên đình lại bí pháp chơn truyền, nếu thuyết ra là lấy cái quyền năng mê tín dị đoan mà thắng thiên hạ là một điều hèn nhát nên Bản Đạo không dùng, để khi nào dùng được Bản Đạo sẽ dùng. Bản Đạo hứa chắc sẽ giáo hóa cho con cái Đức Chí Tôn mà thôi”.

Bài chứng nghiệm của thế giới thần linh học về sự triều thiên của Đức Ngài sẽ là một bằng chứng hữu hiệu hơn nữa, để chúng ta có đức tin nơi chơn truyền Đại Đạo, cũng như từng pháp luật Đại Đạo do bàn tay Đức Hộ Pháp điều hành, khai thể pháp, bày bí pháp; tức là toàn thể cơ quan chánh trị đạo Cao Đài Ngài

nay. Dầu có ly tán, dầu có manh mún hoặc bị tiêu hủy nhất thời do hoàn cảnh đưa đẩy, thì những hình trạng đã lập ra sẽ là “bất biến”. Chúng ta vẫn tin rằng một ngày nào đó, Đại Đạo sẽ phục hưng, trở lại thời kỳ hưng thịnh, có người lèo lái con thuyền Đạo như Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã lập ra.

Đức Ngài là vị Giáo Chủ lãnh đạo tinh thần tối cao, đến để dìu dắt sanh linh, vun đắp cội Đại Đạo theo tánh đức háo sanh của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế. Để được như vậy, Đức Ngài đã phải chịu lắm nỗi gian truân, lèo lái con thuyền Đại Đạo lắm lần lắc lở, đắm chìm biết bao nhiêu khách tục, phải giải quyết những vấn nạn người môn đệ bỏ nét thanh cao mà lấy thói vạy tà làm cho nền Chơn Đạo bộn nhơ. Đức Ngài phải ưu tư, phân trắng, gạn đục nơi cửa nâu sông mong làm cho chiếc gương của Đức Chí Tôn tỏ rạng, soi bước cho đàn hậu tấn giựt tắn mãi trên **con đường thiêng liêng hằng sống**.

Các chư Chấn Sắc cao cấp và các học sĩ của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã tuyên bố rằng nếu không có Đức Ngài, sẽ không có Đạo Cao Đài ngày nay. Đức Ngài đã là hiện thân của Đức Chí Tôn với thể tính “**vô quái ngại**”, “**đại hùng, đại lực, đại từ bi**” mới gánh vác sự nghiệp thiêng liêng cao cả của Đấng Thượng Đế phú thác.

Hình bóng Đức Phạm Hộ Pháp đã khuất bóng, nhưng âm vang, gương hạnh vẫn bất tử, vĩnh hằng và

lời thuyết Đạo của Đức Ngài vẫn vẳng vẳng bên tai của chư tín đồ Cao Đài. Lời truyền nhắc cũng như những bửu ảnh của Đức Ngài vẫn hiện hiện khắp nơi, từ Trung Ương Đạo-Tòa Thánh Tây Ninh, cho đến các làng quê ngõ vắng. Công nghiệp vĩ đại của **bạc vĩ nhân phi phạm bất hủ** vẫn truyền miệng nhau cho các thế hệ Đạo mai sau.

Đức Phạm Hộ Pháp không còn mang xác thịt, Đức Ngài trở về hội hiệp cùng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu nhưng Đức Ngài vẫn mang sứ mạng thiêng liêng, điều động điển quang tác động đến khối chơn thần của cả nhơn sanh, hằng giữ nơi nê hườn cung của mỗi cá nhân, khai khiếu cho chơn thần hội hiệp khi đủ điều kiện. Hơn nữa, Đức Ngài vẫn **dang đôi tay ban phép lành** cho toàn thể chúng sanh, nêu chúng sanh biết tôn sùng Đấng Thượng Đế Chí Tôn và tin vào giá trị cứu rỗi của nền Đại Đạo.

Chúng ta vẫn tin chắc chắn rằng, danh phận của Đức Phạm Hộ Pháp cũng sẽ như Đức Phật Thích Ca, Đức Chúa Jesu. Đức Ngài là một **“hiện tượng”**, một tiêu điểm của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế đã gieo truyền một hạt **giống Bồ Đề**, một **ngọn đèn Thái Cực** cho toàn chúng sanh chung hưởng **nguồn ánh sáng trí huệ**.

Trên bình diện đạo pháp, Đức Phạm Hộ Pháp là Đức Phật sống trong cửa Đại Đạo, lẽ ra Đức Ngài có thể ứng biến những quái ngại bằng diệu pháp, nhưng

hầu như cả cuộc đời Đức Ngài chỉ sống bằng năng lực nội tại của ý chí tinh thần như người phàm trần chưa liễu chứng. Chỉ rất ít người biết về những hành tàng Đức Ngài sử dụng **diệu pháp** trong mấy mươi năm tạo lập nền Đạo và tô điểm Thánh Thể Đức Chí Tôn.

Sự tình nguyện xuống thế tạo lập nền “đạo cao vô cực”, Đức Ngài dĩ nhiên phải thấy được “biển trần khổ voi voi trời nước”, nên Đức Ngài hạ lâm giáng phàm để tô điểm “ánh Thái Dương giới trước phương đông”. Để thay quyền năng Đức Chí Tôn, Đức Ngài phải có đủ “lòng thành lòng nhơn”, “hồng oai, hồng từ”, “đại thánh, đại nguyện”, “đại tạo, đại bi”, “đại từ” mới gánh vác được sứ mạng thiêng liêng, lập Chánh Giáo cho Đức Chí Tôn và làm cho “đạo pháp trường lưu” cho đến thất ức niên, làm một ngọn “huệ đăng bất diệt” để chúng sanh tầm phương “phá nứt khiêu chi huyền quang, tánh hiệp vô vi” trở về nguồn cội bản lai vô nhất vật.

Sự tác động quyền phép của Đức Phạm Hộ Pháp đối với môn sinh dù Đức Ngài còn sống hay đã quy Thiên, thì nó cũng như luật tu tiên xưa nay, nghĩa là Đạo Cao Đài vẫn có mức Hạ Thừa, Trung Thừa, Thượng Thượng. Tùy theo căn cơ, chủng tánh, khả năng viên đốn, tư duy, trí huệ, khí chất thanh tịnh bản nhiên của căn, cái thấy của tuệ nhãn của mỗi môn đồ mà **Đức Hộ Pháp** có tác động đến con đường tiệm tiến đến điểm viên giác, liễu ngộ, giựt tiến con đường

thiên liêng hằng sống, trở về hội hiệp với **bản nguyên của vũ trụ**, tức là Đức Chí Tôn.

Đức Ngài đã làm tròn phận sự đối với Đức Chí Tôn, đến thế gian với ngôi vị Phật sống như các vị Giáo Chủ các tôn giáo khác, truyền giảng chủ nghĩa **Từ Bi-Bác Ái-Công Bình**, kêu gọi hòa bình, tạo nguồn phúc lạc cho chúng sanh, khơi đuốc đạo mâu, khai sáng nền Chánh Giáo, dẫn đường để con cái Đức Chí Tôn hầu xóa tan những vàng mây vô minh, trợn tắt dạ thành, dọn lối chông gai để mở lối thiên liêng, chỉ rõ thoát khỏi bến sông mê và hướng về bến giác, dạy nhơn sanh rửa sạch bợn nhơ cho chơn thần trong sạch mà hiệp Tinh-Khí-Thần đoạt cơ màu nhiệm, hội hiệp cùng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu.

3. Mục đích cứu cánh

Mục đích cứu cánh của cửa tu chơn Đại Đạo Tam Kỳ là giải thoát linh hồn, hiệp tam bửu, đắc đạo tại thế, hiệp hội với Đức Chí Tôn. Dầu con đường thứ nhất có khác, con đường thứ hai có khác và con đường thứ ba có khác về cách thức thi hành, mục tiêu cũng không khác nhau.

Đức Hộ Pháp đã vâng mạng lệnh Thiên Liêng, mở cửa Phạm Môn, cơ quan tu tịnh, cân thần, truyền pháp tu tịnh để cho những người đã đủ công quả trọn đây, tiếp tục tiếp diễn đến con đường thứ ba cho nhanh lẹ. Còn bằng chẳng thế, cả hai con đường kia

cũng đồng đẳng, khác nhau chẳng là đặc đạo hữu hình hoặc khi thoát xác mà thôi.

Thực tế của hoạt động tu hành của người đệ tử Cao Đài có đôi khi ngộ nhận trong nghĩa lý và cách thực hiện. Tưởng rằng pháp môn tu tịnh có thể đốn ngộ một cách dễ dàng, người ta đua nhau thực hiện đên đỗi si mê, ngu muội, lầm lạc con đường và cả tôn chỉ cao thượng của giáo pháp Đức Chí Tôn. Ở viễn cảnh ấy, tà quyền xen lẫn, điên dại, khó mong trở lại bình thường. Thế thì làm sao có thể đi trên “trường thi công quả” của Đức Thượng Đế mà lập vị cho mình.

Mục đích của giáo pháp đề tận độ cả chúng sanh. Mình là người đệ tử Cao Đài, phải nằm trong mục đích ấy, nghĩa là phải thực hiện trọn đại mục đích cao thượng. Nếu chỉ tu riêng mà quên đi chúng sanh còn bơ vơ, lầm lạc, lẽ nào mình thành thoi, an nhàn, tu riêng cho mình.

Ở một bình diện khác, con đường tu tịnh vốn có mục đích giống nhau như con đường Cửu Trùng Đài và Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng mà thôi. Ngộ nhận yếu lý ấy sẽ làm cho ta rất dễ lầm lạc. Huống chi, bí pháp tu tịnh rất rắc rối, không dễ tìm kiếm và hiệp diện với Chơn Sư truyền thọ đơn thơ tu liễu ngộ. Có chẳng con đường thứ ba cũng chỉ là tu tắt, nhanh hơn, có thể xuất chơn thần về diện kiến Đức Thượng Đế. Nếu xuất, cũng có thể về để trọn kiếp sanh đúng theo luật tạo hóa thiên lý.

4. Hoạt động cân thân và truyền pháp thế nào khi Đức Hộ Pháp đã triều Thiên?

Những điều như thập điều giới răn, phương luyện kỹ, mười hai bài tập khí công đạo dẫn, tam lập là những cốt lõi, truyền thừa lại rất rõ. Người môn đệ Cao Đài duy chỉ ra công, cố gắng thực hiện mà thôi. Còn hoạt động, cân thân và truyền pháp, khai khiếu điển quang sẽ như thế nào trong khi Đức Hộ Pháp đã triều thiên?

Đức Hộ Pháp đến với đạo Cao Đài bằng một chân mạng, nghi thức Thiên Phong là hình thức ngự thể của Hộ Pháp nơi Phạm Công Tắc. Cho nên, mọi hoạt động lãnh đạo tinh thần, truyền giảng triết lý đạo pháp, lập các cơ quan trong cửa Đại Đạo là Hộ Pháp làm thông qua bàn tay Ngài Phạm Công Tắc. Một là hai, nhưng hai là vẫn là một. Thiên thơ tiền đã chọn định Đức Phạm Hộ Pháp giáng trần trong cửa Đại Đạo Tam Kỳ này với nhiệm vụ tạo hình tướng của Đạo, tức là Thể Pháp Đạo. Sau lại khai mở Bí Pháp Đạo, là quyền năng điển lực giải thoát chúng sanh. Với cái quyền năng trong cơ lập giáo, tưởng nghĩ đó là một sứ mạng đặc biệt mà Đức Thượng Tôn Quản Thế đã dành trọn tâm thân phụng sự cho đến ngày triều Thiên.

Bút hiệu Ái Dân đã thể hiện đặc tánh Từ Bi của Ngài đối với sanh chúng. Đức Ngài đã vào Trí Huệ Cung tịnh thiên, không phải là an hưởng, mà là hoạt

động tiếp diễn trong kiếp giáng sanh mở Thiên Chúa Giáo, gánh “Tội Tô Tông” cho nhơn loại, Đức Ngài cầu xin Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, các Đấng Thiêng Liêng ban cơ tận độ, cứu rỗi sắc dân Việt Nam và toàn thể nhơn loại đi đến thế giới đại đồng huynh đệ, thực hiện Từ Bi-Bác Ái-Công Bình. Đức Ngài làm như Đấng Chúa Cứu Thế cầu khẩn với Đức Chí Tôn ngoài sa mạc 40 ngày, như Đức Thích Ca vào vườn Bồ Đề để xin giải thoát cho chúng sanh. Đức Phạm Hộ Pháp tượng trưng cho tinh thần, dân tộc và màu sắc của Đại Đạo, nên Đức Ngài có đủ thánh đức, đại bi, đại ái để cầu khẩn nơi quyền năng tối cao ban cơ cứu khổ kỳ ba hiện tượng nói mặt địa hoàn, cầu khẩn giọt nước Ma Ha thiêng liêng của Đức Chí Tôn ban cho, hầu gội rửa toàn thể con cái Đức Chí Tôn cho ra chí thánh.

“Kể từ ngày nhập tịnh nơi Trí Huệ Cung, chắc con cái Đức Chí Tôn đều đánh dấu hỏi? Đức Hộ Pháp nhập tịnh để làm gì? Muốn làm gì? Nghĩa lý gì mà nhập Trí Huệ Cung trong 3 tháng nay?”

Vậy Bàn Đạo giải rõ hành tàng trong 3 tháng mà Bàn Đạo đã làm, cái hành tàng đó cũ kỹ chớ không mấy lạ gì. Cái hành tàng về mặt Đạo giống như 40 ngày của Đức Chúa Jê-sus ra ngoài sa mạc cầu khẩn với Đức Chí Tôn ban bố hồng ân cho toàn nhơn loại, dâng đem cơ quan cứu thế của Ngài giao cho khắp xã hội nhơn quần được hưởng, giống như Đức

Thích Ca vào vườn Bô đề ngồi thiền định đặng xin giải thoát cho chúng sanh.

Còn về mặt thể, nó giống như Vua David vì tội tình nhờn loại mà buổi nọ ra đồng Sa mạc cầu đảo, xin giải pháp cứu khổ cho dân Y sơ Ra Ên, giống như Vua Hạ Võ mặc hài gai đội nón lá, chịu phong trần đặng cầu đảo cho quốc dân khỏi tội” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.4, bài 4].

Đức Phạm Hộ Pháp đã thuyết minh nhiều vấn đề về trường thống khổ của nhờn loại của quả địa cầu 68 này. Oan trái nghiệp vay của nhờn loại với tội chướng nhiều, phúc hậu lại kém, thành ra trường thảm cảnh lưu huyết hằng diễn ra, cảnh tương tàn, tương sát để dành sự sống, bảo vệ cái tham vọng mà gây lăm oan nghiệt.

Ngài nói thêm, dầu chúng ta thương nhờn loại chúng sanh nhưng chẳng sánh bằng Cha sanh vừa thể xác vừa linh hồn. Nhưng ông Cha kia còn không cứu đặng, phải tuông lụy sa nhìn đàn con mất dần dần. Nên Đức Phạm Hộ Pháp vào Trí Huệ Cung tịnh thiền cầu xin ân huệ Thiên Liêng ban phương thuốc hườn sinh, xá giảm tội tình, lập cơ quan cứu thế cho nhân sinh trong quả cầu này.

“May thay! Nhờ đạo tâm của toàn Thánh Thể của Ngài và toàn con cái nam, nữ cũng vậy, nhứt là đám thiếu niên đã làm cho cảm động Đức Chí Tôn, nên Ngài cho Bản Đạo hội diện cùng quyền năng

thiên liêng 4 phen trong 3 tháng” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.4, bài 4].

Đức Ngài thuyết trọng tâm hơn rằng định mệnh của Nhơn loại hẳn nhiên nằm trong quyền năng Đức Chí Tôn; tội tình của Nhơn loại chưa dứt thì chưa thể nào tạo hạnh lạc được; cái ước ao của chung duy chỉ đạt được khi khối Thánh tâm vượt trên phàm tâm và cơ quan cứu khổ của Đức Chí Tôn mới thiết hiện nơi đây.

Bí pháp là những điều huyền bí, mật nhiệm, những quy luật vô hình tác động đến sự thăng tiến của các chơn căn trên con đường thiên liêng hằng sống, tức là những định luật bất dịch trong càn khôn vũ trụ. Bí pháp là các phương pháp hay cơ quan luyện đạo, chứa đựng huyền diệu nhằm thúc đẩy tiến trình tu tập của môn đồ, hầu giải thoát chúng sanh thoát vòng sinh tử luân hồi, đạt được phẩm vị thiên liêng như Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Danh từ cũng đã nói lên tính chất bí ẩn, và không được truyền thụ công khai ra ngoài từ thầy sang trò. Thầy chỉ tâm ấn cho những đệ tử có đủ duyên đạo, đủ hạnh đức và có sự tiến hóa chơn thần ở một mức độ cần thiết tối thiểu để lãnh ngộ bí pháp tịnh luyện công phu thiên liêng. Đây gọi là tâm pháp bí truyền hay khẩu thọ tâm truyền.

Đức Phạm Hộ Pháp là người truyền bí pháp cho chư chức sắc. Tuy nhiên, sự ứng biến điều động và

kết quả đạt được của bí tích phụ tùy vào hai nhân tố: thể thức và hiệu ứng. Phương pháp bí tích là hình thức bên ngoài được truyền thụ làm chuyển động điển quang nội thể, nhằm thực hiện giá trị của bí tích đó mang lại. Phương pháp cũng mang tính bí nhiệm nhưng có thể truyền thụ do chư Chức Sắc đi trước truyền lại Chức Sắc sau này. Hiệu ứng đạt được hay không vẫn do phạm trù quyền năng của Bát Quái Đài, định thể giá trị điều động, dựa vào sự phù hợp điển quang và tần số của bí tích.

Con đường thứ ba của Đại Đạo là con đường đề tu tịnh, xuất chơn thân khi còn tại thế, hội diện cùng quyền năng thiên điển. Có rất nhiều người ngộ nhận, hễ tu tịnh thì có thể giải thoát nên người ta cứ đua nhau công phu, ham cầu bí pháp giải thoát. Chỉ khi môn đồ đủ Tam Lập theo tiêu chuẩn Đức Hộ Pháp đánh giá thì mới có thể nhận được bí pháp điều dưỡng, truyền thần và xuất thần mà thôi.

“Hôm nay mấy em biết chưa? Có lẽ phần nhiều mấy em đã biết, Phạm ấy là Phật, Phạm Môn là cửa Phật, nói rõ hơn nữa là cửa Tu Chơn của Đạo, cửa Bảo Thủ Chơn Pháp của Chí Tôn’ [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6].]

Cửa tu chơn là nơi các tịnh thất Trí Giác Cung, Trí Huệ Cung và Vạn Pháp Cung, có chơn sư chỉ dạy. Bí pháp ấy không phải là muốn là có, thích là cho và tùy tiện áp dụng một cách bừa bãi.

Đối với bậc thượng thừa đủ tiêu chuẩn thì được Đức Hộ Pháp thực hiện truyền bí pháp. Đối với hạ thừa, Đức Ngài truyền dạy Mười Hai Bài Tập Khí Công Đạo Dẫn và ban Phương Luyện Kỹ Đăng Vào Con Đường Thứ Ba Đại Đạo.

Như vậy, cửa Đại Đạo rộng mở, quyền năng giải thoát cho con cái Đức Chí Tôn vẫn đặt để tại thế. Vấn đề còn lại là mỗi môn đồ làm gì để đủ duyên bước đi trên con đường thượng thừa hay hạ thừa mà thôi.

Bát Nương Diêu Trì Cung cũng đã cho hay: *“Cúng kiếng thường ngày tâm đạo khởi”*. Nên cúng Tứ Thời nhật tụng là phương pháp công phu sơ đẳng mà mỗi người tín đồ thường hằng để tìm sự giao cảm giữa Trời và người.

Bí pháp và phạm pháp không thể lẫn lộn, thánh phạm hai nẻo phân minh. Hễ tâm chơn thành, trọn luật, giữ giới, rót rao nương mình nơi cửa từ bi, thực hiện thiết phận thì cúng kiếng là bí pháp soi dẫn con người tiếp diện điển lực vô vi, tìm chơn sự vô hình.

Kinh Xuất Hội có câu:

*“Đạo hư vô sự hư vô,
Reo chuông thoát tục phát cờ tuyệt sinh.”*

Bí pháp mà Đức Chí Tôn ban cho con người là “...trường thi công quả cho các con đắc đạo...”. Hơn nữa, con đường thứ nhất và con đường thứ hai đã mở

ra cho toàn thể sanh chúng thi thố phạm sự. Chúng sanh mượn hữu hình để tìm đến đạo pháp vô vi. Nếu phạm sự hữu vi hoàn toàn chưa xong thì bí pháp tịnh không phương chi tìm đến.

Cho nên, cửa tu chơn của Tòa Thánh Tây Ninh hãy còn trong vòng im lặng, không phải như nhiều người lầm tưởng Đạo Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh không có Bí Pháp tu chơn. Đó là một ngộ nhận rất lớn lao, trái nghịch hoàn toàn với lời dạy của Đức Chí Tôn:

“Chi chi cũng tại Tây Ninh này mà thôi”
[TNHT, Q.1].

Đức Chí Tôn đã truyền dạy rằng Đức Hộ Pháp luôn hằng ngự trị nơi nơi Huyền Quang Khiếu của chúng sanh hầu nâng đỡ tinh thần, hỗ trợ điển lực. Khi đủ điều kiện, Đức Ngài nhất định sẽ mở tâm khiếu.

Dù thể thức, các tổ chức sinh hoạt tu chơn hiện nay trở nên yếu ớt hay im bật thì việc cân thần truyền bí pháp đã không còn diễn ra, nhưng chúng ta có đầy đủ đức tin nơi lời dạy của Đức Chí Tôn. Điển khí vũ trụ vô hình vẫn xoay diễn, tiếp diễn và trợ lực cho những ai đã đủ đầy công nghiệp. Tiến trình chuyển hóa năng lực vô vi vẫn tiếp diễn mà không hề đứt gãy. Mật luật vô hình và quyền pháp bí nhiệm vẫn biến chuyển.

Đạo vẫn như nhiên mà thành, nếu từng luật pháp chơn truyền Đại Đạo, lo phụng sự Đạo Pháp và Chúng Sanh làm đẹp dạ Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, các Đấng Thiêng Liêng, đó là chính chúng ta đã chuyển hóa nội thân làm cho chơn thần trong sạch, tinh khiết. Tùy theo công trạng, nghiệp duyên và sự giục tấn, quyền năng điển lực sẽ tác động vào Chơn Thần con người, Chơn Sư vẫn hằng hữu bên chúng ta để thúc đẩy quá trình tu đạo của chúng sanh đó thôi.

Tại Trí Huệ Cung, Đức Phạm Hộ Pháp giảng:

“Ngày nay Đức Chí Tôn đã mở cho chúng ta một con đường Thiêng Liêng Hằng Sống và Bản Đạo đã vâng mạng lệnh Đức Ngài tạo dựng một bến giải thoát cho toàn thể Nhơn loại trên mặt địa cầu này.

Bản Đạo nói: từ đây, kể từ ngày nay cửa Thiêng Liêng của Đạo đã mở rộng, Bản Đạo kêu toàn thể con cái Đức Chí Tôn, ai hiểu biết mình đứng trong hàng phẩm Cửu nhị ức Nguyên Nhân (92 Ức Nguyên Nhân) hãy tỉnh mộng lại đặng về cùng Đức Chí Tôn.

Cửa này là cửa của các người đến đoạt Pháp, đặng giải thoát lấy mình đến trong lòng Đức Chí Tôn, vì Đức Chí Tôn đã đưa tay ra nâng đỡ, mà chúng ta không đến, không tưởng nghĩ đến, thì sau này ắt sẽ bị đọa lạc nơi cõi Phong Đô. Giờ phút ấy không còn trách Đức Chí Tôn rằng: không thương yêu con cái của Người, không đem cơ quan tận độ chúng sanh để

nơi mặt địa cầu này cứu vớt nữa” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 3].

Từ một số biện chứng và minh chứng trên, Đức Phạm Hộ Pháp là người chịu trách nhiệm cân thân và truyền bí pháp cho chư tín đồ. Dù hữu hình hay vô vi, Đức Ngài vẫn sống cùng thời gian, thực hiện trách nhiệm thiêng liêng phận, thúc đẩy sự tấn hóa chơn thân, khai mở huệ khiếu cho chúng sanh khi đủ điều kiện.

Ở một mặt khác, người ta cho rằng Tòa Thánh Tây Ninh khi còn Đức Hộ Pháp sanh tiền, hoạt động truyền pháp vẫn yếu ớt. Lý giải vấn đề này, chúng ta cũng hiểu bí pháp giải thoát là một vấn đề trọng hệ, là mật lý khẩu thọ tâm truyền, chớ không phải là hình thức áo mão mượn tày nghi. Thực tế hơn, chỉ những người đủ công quả mới được Đức Ngài truyền thọ bí pháp, khai thị riêng biệt mang tính thâm kín. Người thọ nhận khi được khai ngộ cũng im lìm.

Pháp môn giải thoát cho chúng sanh là một ân tứ của Đức Chí Tôn, lẽ nào lại phải giấu, eo hẹp mà cho người này, giấu người kia. Chỉ tại chúng ta chưa đủ khả năng đón nhận để giựt tấn thẳng tiến trên con đường thiêng liêng hằng sống mà thôi. Vì thế, bí pháp tu luyện là một vấn đề rất trọng hệ, không thể tùy nghi thử nghiệm để phải chuốc lấy những hậu quả khôn lường được

5. *Mối quan hệ trong các tôn giáo*

Nền Tam Giáo xưa nay vẫn y pháp mà hành, tu hành Tam Bửu là Tinh-Khí-Thần. Luyện Tinh thành Khí, biến Khí thành Thần, luyện Thần hườn hư chẳng sai đi đâu được. Có chẳng người hành giả đủ “khả năng” hội diện Chơn Sư để được thọ truyền bửu pháp hay chưa. Còn những phép dưỡng sinh, công thức tu làm **hành trang cho người hành giả** duy chỉ khác về ngoại dung, còn nội dung vẫn đi đến cửa rớt ráo để tiếp cận pháp môn.

Chúng ta thấy rằng Phật Giáo dạy:

“Nhị hầu thể mâu ni”

Tạm hiểu rằng luyện tinh-khí-thần để kết tủa chơn khí trong ba tháng. Trong vòng một trăm ngày kết linh đơn. Nho rằng:

“Tịch nhiên bất động cảm nhi toại thông”

Nghĩa là lặng-lẽ tự nhiên không điều-động cảm xúc mà thông-linh. Hoặc:

“Tam nguyệt bất di nhơn”

Nghĩa là trong ba tháng chẳng lìa chỗ nhơn. Nền Tiên Giáo dạy rằng:

“Yếu hệ minh hệ kỳ trung hữu tinh. Hoãn hệ hốt hệ kỳ trung hữu vật”

Nghĩa là trong lúc khí yếu minh thì có chơn tinh. Trong lúc khí hoãn hốt thì có chơn vật. Hoặc là câu:

“Miên miên bất tuyệt cố để thâm căn”

Cũng dùng âm-dương làm nôi lò, cũng lấy Tinh-Khí-Thần tá danh nấu thuốc Linh Đơn. Nên đó còn gọi là nấu luyện trong suốt trăm ngày thì linh đơn chín [*Hồi phong hồn hiệp, bá nhật công linh*].

Những điều trên đều do cổ giáo truyền dạy, chẳng phải là hư vô. Quan trọng hơn, chúng ta thường nghe “bất lập văn tự, ngoại giáo biệt truyền”, nên chẳng tin điều ấy là chơn thật. Hơn nữa, do tại thất chơn-truyền nên học không hiểu thấu và không thấy ấn-chứng, ứng nghiệm y như kinh điển.

Ngài Nguyễn Văn Kinh là người tu theo Phật Giáo, chữ nghĩa chỉ học ở trường làng và tu từ thuở bé thơ. Khi được Đức Thượng Đế Cao Đài thu phục vào nền Đại Đạo, Ngài có biên soạn quyển Hội Lý Xiển Chơn Luận. Quyển sách hàm chứa nhiều điều hay của Tam Giáo, xin trích lược lại một đoạn như sau:

“Nếu học trúng lý, nhằm tâm-pháp thì thấy ứng nghiệm thành cảnh, như lời Nho nói đây: “Kỳ thứ trí khúc, khúc năng hữu thành, thành tắc hình, hình tắc trí, trí tắc minh, minh tắc động, động tắc biến, biến tắc hóa thì dĩ nhiên hạ chí thành năng biến hóa”. Nghĩa là trong đoạn ứng nghiệm nó có thứ lớp. Đoạn trước, phải tịnh tâm cho chí thành, lòng chí thành, thì có ứng hình, ứng hình thì tỏ rõ, tỏ rõ thì sáng chói, sáng chói thì cử-động, cử-động thì biến hóa, đây

trong thiên-hạ ai tu nhằm lý và lòng chí thành, đặng biến hóa.

Còn Tâm-Kinh rằng: “Quan-tự-tại bỏ-tát hành thâm bát-nhã ba la mật đa”. Quan-tự-tại bỏ-tát nghĩa là quan định chủ nhơn ông (dưỡng thần) dùng thấu phóng tâm; hành thâm bát-nhã Ba-la mật đa là diệt tận tâm ý vọng niệm mới hạ thủ dụng công, đem tâm hỏa lại luyện lấy Tiên-thiên chơn kim thì ứng nghiệm phát sanh nhiều cảnh tượng huyền-diệu. Nếu mình tu thấu đáo nơi diệt tận định thì phát ra nhiều cảnh tượng ứng nghiệm như Thế-Tôn rằng: “Diệt tận định lục căn chấn động, mi gian thường phóng bạch hào-quang”. Nghĩa là diệt tận hết nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý cho định lại thì lục-căn đó phát xung động trước chơn mây hằng phóng bạch hào-quang” [Nguyễn Văn Kinh].

Lược tóm, phép dưỡng sinh của Tam Giáo cổ xưa vẫn đồng đẳng nhau, đều đi đến phép luyện Tam Bửu. Dầu rằng, về cái thể có khác, dụng chẳng biệt phân tùy theo khế cơ của mỗi người. Như Phật Giáo gọi là Mâu Ni Bửu Châu, Tiên Giáo gọi rằng Huyền Châu Mễ Cơ, Thánh Giáo gọi là Cửu Khúc Minh Châu. Máy huyền cơ tạo đoan chưa hề sai dịch, tại do nơi thất chơn truyền diệu pháp, cũng như do lòng người còn ám muội, chưa có thể đi đến cảnh giới đó, nên chưa thể đủ duyên gặp Chơn Sư đón ngộ.

Cái bệnh của nhơn loại vẫn cố chấp và biệt phân tôn giáo. Nên, thành ra tâm bị trói ràng trong vô

minh và tâm chưa đi đến tịch cảnh, hư không, tìm thấu lẽ diệu huyền của máy tạo. Chính trạng thái ấy mà người chẳng tu tâm, chưa hòa đồng các pháp trong, chẳng luyện tánh để bước vào **cửa huyền môn**. Phật Giáo chỉ **tu tâm luyện tánh**, Tiên Giáo dạy **tu tâm luyện tánh**, Thánh Giáo dạy **tôn tâm dưỡng tánh**.

Cốt yếu người hành giả muốn vào bên trong, Tam Giáo vẫn dạy sửa lòng trong sạch, tu tâm, luyện tánh, khắc kỷ; tức là trang bị cho mình những phép cơ bản nhất để trở thành những môn đệ có thể nhập môn vào cửa yếu lý. Thánh Giáo dạy chúng ta phải bỏ lòng dục để tuyệt đối. Khi bỏ lòng tư dục, lòng trở nên hư tĩnh thì dần tỏ thấu lý Trời. Nên có câu:

“Nhơn dục tịnh tận, thiên lý lưu hành”

Còn Thích Giáo dạy:

“Nhơn vô vô minh, diệt vô minh tận”.

Tiên Giáo dạy:

“Hư tâm thiệt phúc, quan không chi đạo”.

Những điều trên không ngoài bỏ lòng giả, bỏ phàm về thánh tâm. Hễ tâm chí thánh thì được gần Phật, Tiên, Thánh. Rồi từ tập tập nhiệm dần nhiều điều giá trị hữu ích, tỏ rõ lý sâu Trời Đất, may duyên đặng Chơn Sư vô hình hay hữu hình thọ truyền tâm pháp hư tĩnh, luyện pháp minh châu.

6. Lược tóm

Đạo của Trời Đất duy có một, chẳng hề có hai. Tôn giáo chính là màu sắc của đạo, biểu thị cho chúng sanh tưởng nhớ nguồn cội tâm linh, nương thể cái thể để quay về cái dụng. Có hướng về thể, mới ngỏ hầu trở về cái dụng, tức là đi vào tìm đường giải thoát kiếp sanh mình.

Nhờ hồng ân đại từ, đại bi, đại ái của Đức Thượng Đế, Đức Ngài mở một cơ đại ân xá, là nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ngày nay, gọi tắt là đạo Cao Đài; chúng sanh mới có thể tiếp cận một nền giáo pháp tân tiến. Đại Đạo đã quy hợp cả Tam Giáo, Ngũ Chi vào một môi duy nhất, tránh mọi sự ngộ nhận về cách nhìn bằng phàm nhãn của chúng ta.

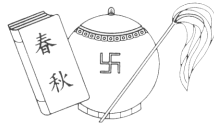
Vì sự thất pháp nhiệm màu của các thời kỳ trước, mà con người tu luyện chẳng thành. Ngày nay, Đức Chí Tôn đến hườn nguyên Tam Bửu cho chúng sanh tu đắc đạo. Tức nhiên, mọi thể pháp và bí pháp giải thoát đã để tại mặt thể để nhưn loại tu tiên thành tựu.

Nếu cổ giáo đã chủ xướng những pháp môn đưa hành giả đi đến cửa “nhập môn”, thì khi Đức Hộ Pháp còn sinh tiền, Đức Ngài đã vâng mạng lệnh Đức Chí Tôn cũng đã chỉ rõ rõ nhiều điều bí yếu, bí trọng nhất. Qua những Lời Thuyết Đạo, cùng những điều có trong cửa Phạm Môn, đã được coi là một hành trang quý giá cho người Cao Đài nhập môn, tức chuẩn bị để tiến xa hơn nữa.

Hơn nữa, đó không phải là phép sơ đẳng mà thôi. Chính lời Đức Hộ Pháp truyền giảng, đó là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh tại thế này. Với sứ mạng, trách nhiệm thiêng liêng và quyền năng của Đức Ngài, chúng ta chưa nói không dám nói Cửu Khúc Minh Châu, Mâu Ni Bửu Châu, Huyền Cơ Mễ Châu, nhưng chí ít, chúng ta đủ tin tưởng rằng những lời vàng thước ngọc của Ngài có thể làm tiền đề căn bản cho chúng ta có phương hội diện với Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu.

Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 27-05-2022

Khai Tâm Quách Minh Chương



Khai Tâm Quách Minh Chương